

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 103/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh Bùi Đức H – Sinh năm 1975

- Chị Trần Thị T – Sinh năm 1981

Cùng HKTT: SN 18/04 đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Cùng Nơi ở: Lô M. MBQH MS, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Bùi Đức H và chị Trần Thị T kết hôn với nhau năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, chúng tôi đã cố gắng, hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần không có kết quả. Anh, chị đã sống ly thân nhau 1 năm để hai bên suy nghĩ lại, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay anh, chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H, chị T.

[2] Về con chung: Anh Bùi Đức H và chị Trần Thị T có 02 con chung là cháu Bùi Tuấn A – Sinh ngày 25/01/2003, cháu Bùi Anh T- sinh ngày 29/09/2007. Anh H, chị T thỏa thuận cháu Tuấn A đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Anh T đang còn nhỏ nên giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Xét thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của

anh, chị là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình nên công nhận.

[3] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về Lệ phí: Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị T chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đức H, chị Trần Thị T.

- Về con chung: Cháu Bùi Tuấn A – Sinh ngày 25/01/2003, cháu Bùi Anh T - sinh ngày 29/09/2007 là con chung của anh Bùi Đức H, chị Trần Thị T. Chị T trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh Tuấn, anh Hạnh cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu T thành niên. Cháu Tuấn A đã thành niên ở với ai là quyền của cháu, anh H, chị T không yêu cầu xem xét.

Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0002497 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSNDTP;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường P, TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Văn Hào